

ĐỀ 01

Phần I/ 20 câu (mỗi câu 0,25 điểm)

Câu 1: Động vật nguyên sinh có cấu tạo từ

- A. 1 tế bào
B. 3 tế bào
C. 2 tế bào
D. đa bào

Câu 2: Việc làm nào sau đây không thể phòng được bệnh giun đũa?

- A. Đi ngủ mặc màn
B. Không bón phân tươi cho rau
C. Ăn chín, uống sôi
D. Tiêu diệt ruồi, muỗi

Câu 3: Loài Thân mềm có tập tính đào lỗ để trú là

- A. ốc sên
B. mực
C. châu chấu
D. Trai sông

Câu 4: Bệnh nhân đau bụng, đi ngoài, phân có lẫn máu và chất nhầy là biểu hiện của bệnh?

- A. Giun móc câu
B. Sốt rét
C. Kiết lỵ
D. Sán dây

Câu 5: Nhện có mấy đôi chân bò?

- A. 1 đôi.
B. 2 đôi
C. 3 đôi
D. 4 đôi

Câu 6: Mặt ngoài áo trai tiết ra lớp

- A. vỏ đá vôi
B. xà cừ
C. sừng
D. khoang áo

Câu 7: Nhóm gồm động vật Thân mềm là:

- A. Ốc sên, mực, bạch tuộc.
B. Ốc sên, ve bò, bạch tuộc.
C. Tôm, mực, bạch tuộc
D. Trai, ngao, châu chấu

Câu 8: Loài nào sau đây không thuộc lớp Hình nhện?

- A. Nhện chằng lưới.
B. Nhện nhà
C. Ve bò
D. Cua nhện

Câu 9: Loài nào sau đây cơ thể được chia làm 3 phần: Đầu, ngực, bụng?

- A. Châu chấu
B. Nhện
C. Tôm
D. Bọ cạp

Câu 10: Những loài thuộc ngành Giun đốt gồm:

- A. Giun đất, đĩa, giun chỉ
B. Giun đỏ, giun đất, giun móc câu
C. Giun đỏ, đĩa, giun rễ lúa
D. Giun đỏ, đĩa, rươi

Câu 11: Loài có hại cho giao thông đường thủy là

- A. Rận nước
B. Chân kiếm
C. Sun
D. Tôm sông

Câu 12: Loài nào sau đây có cơ thể hình dù ?

- A. Thủy tức
B. San
C. Sứ
D. hải quỳ

Câu 13: Phát biểu nào sau đây về bạch tuộc là đúng?

- A. Có 8 tua dài, thích nghi với lối sống bơi lội tự do.
- B. Có 10 tua dài, thích nghi với lối sống di chuyển chậm chạp.
- C. Có khả năng ngụy trang, tự vệ bằng cách vùi mình trong cát.
- D. Có tập tính đào lỗ để đẻ trứng.

Câu 14: Ốc sên tự vệ bằng cách nào?

- A. Tiết chất độc tiêu diệt kẻ thù.
- B. Tấn công đối phương bằng tua đầu và tua miệng.
- C. Co rụt cơ thể vào trong vỏ.
- D. Thu nhỏ và khép chặt vỏ.

Câu 15: Khi gặp kẻ thù, con mực thường có hành động như thế nào?

- A. Vùi mình sâu vào trong cát.
- B. Phun mực, nhuộm đen môi trường nhằm che mắt kẻ thù để chạy trốn.
- C. Tiết chất độc tiêu diệt kẻ thù.
- D. Thu nhỏ và khép chặt vỏ.

Câu 16: Đặc điểm nào dưới đây giúp cho các tập tính của Thân mềm phát triển hơn hẳn Giun đốt?

- A. Thần kinh phát triển.
- B. Môi trường sống đa dạng.
- C. Di chuyển tích cực.
- D. Có vỏ bảo vệ.

Câu 17: Tôm có thể nhận biết thức ăn từ khoảng cách rất xa là nhờ

- A. 2 đôi mắt và các chân bụng
- B. Các chân hàm và chân ngực
- C. chân hàm, tám lái
- D. các tế bào khứu giác trên 2 đôi râu rất phát triển

Câu 18: Cơ thể tôm có mấy phần?

- A. Có 2 phần: phần đầu – ngực và phần bụng
- B. Có 3 phần: phần đầu, phần ngực và phần bụng
- C. Có 2 phần là thân và các chi
- D. Có 3 phần là phần đầu, phần bụng và các chi

Câu 19: Đặc điểm nào sau đây có ở châu chấu mà không có ở tôm?

- A. Phát triển trải qua lột xác
- B. Vỏ cơ thể cứng
- C. Có hệ thống ống khí.
- D. Phân tính

Câu 20: Loài nào sau đây khi sinh sản mọc chồi, cơ thể con không tách rời ra mà dính với cơ thể mẹ tạo nên tập đoàn?

- A. Hải quỳ.
- B. Sứa.
- C. San hô
- D. Thủy tức

Phần II/ 10 câu (mỗi câu 0,5 điểm)

Câu 21: Đặc điểm nào không có ở sâu bọ?

- A. Cơ thể có 3 phần: Đầu , ngực, bụng.
- B. Phần đầu có 1 đôi râu, phần ngực có 3 đôi chân và 2 đôi cánh.
- C. Hô hấp bằng hệ thống ống khí
- D. Hô hấp bằng mang

Câu 22 : Đặc điểm không phải của ngành Chân khớp là:

- A. Có bộ xương ngoài bằng kitin nâng đỡ, che chở.
- B. Các chân phân đốt khớp động.
- C. Qua lột xác mà tăng trưởng cơ thể.
- D. Thân mềm, không phân đốt

Câu 23: Các sắc tố trên vỏ tôm sông có ý nghĩa như thế nào?

- A. Tạo ra màu sắc rực rỡ giúp tôm đe dọa kẻ thù.
- B. Thu hút con mồi lại gần tôm.
- C. Là tín hiệu nhận biết đực cái của tôm.
- D. Giúp tôm có màu sắc của môi trường, ngụy trang để lẫn tránh kẻ thù.

Câu 24: Đặc điểm nào có ở ngành ruột khoang?

- A. Cơ thể dẹp, đối xứng 2 bên
- B. Cơ thể đối xứng tỏa tròn, có tế bào gai
- C. Có lớp vỏ cuticun bọc ngoài cơ thể
- D. Cơ thể phân đốt

Câu 25: Vì sao khi ta mài mặt ngoài vỏ trai lại ngửi thấy mùi khét?

- A. Vì lớp vỏ ngoài chứa nhiều chất khoáng.
- B. Vì lớp ngoài vỏ trai được cấu tạo bằng tinh bột.
- C. Vì phía ngoài vỏ trai là lớp sừng.
- D. Vì lớp ngoài vỏ trai được cấu tạo bằng chất xơ.

Câu 26: Phát biểu nào sau đây về trai sông là sai?

- A. Trai sông là động vật lưỡng tính.
- B. Trai cái nhận tinh trùng của trai đực qua dòng nước.
- C. Phần đầu cơ thể tiêu giảm.
- D. Ấu trùng sống bám trên da và mang cá.

Câu 27: Bộ phận nào dưới đây giúp nhện di chuyển và chăng lưới ?

- A. Đôi chân xúc giác.
- B. Các nùm tuyến tơ.
- C. Bốn đôi chân bò.
- D. Đôi kìm

Câu 28: Đặc điểm nào không có ở giun đũa?

- A. Cơ quan sinh dục lưỡng tính
- B. Có khoang cơ thể chưa chính thức
- C. Ống tiêu hóa có thêm ruột sau và hậu môn
- D. Phân tính và tuyến sinh dục có dạng ống phát triển

Câu 29: Bệnh kiết lị truyền qua:

- A. Vết thương hở
- B. Đường hô hấp
- C. Muỗi Anôphen
- D. Thức ăn, nước uống vào ruột người

Câu 30: Ở nhện, bộ phận nào dưới đây nằm ở phần bụng ?

- A. Đôi kìm.
- B. Các nùm tuyến tơ.
- C. Các đôi chân bò.
- D. Đôi chân xúc giác.

ĐỀ 02

Phần I/ 20 câu (mỗi câu 0,25 điểm)

Câu 1: Tại sao trong quá trình lớn lên, ấu trùng tôm phải lột xác nhiều lần?

- A. Vì lớp vỏ mất dần canxi, không còn khả năng bảo vệ.
- B. Vì chất kitin được tôm tiết ra phía ngoài liên tục.
- C. Vì lớp vỏ cứng rắn cản trở sự lớn lên của tôm.
- D. Vì sắc tố vỏ ở tôm bị phai, nếu không lột xác thì tôm sẽ mất khả năng nguy trang.

Câu 2: Mặt ngoài áo trai tiết ra lớp

- A. vỏ đá vôi
- B. xà cừ
- C. sừng
- D. khoang áo

Câu 3: Nhóm gồm động vật thân mềm là:

- A. Ốc sên, mực, bạch tuộc.
- B. Ốc sên, ve bò, bạch tuộc.
- C. Tôm, mực, bạch tuộc
- D. Trai, ngao, châu chấu

Câu 4: Loài nào sau đây thuộc lớp Hình nhện?

- A. Cua nhện.
- B. Mọt ẩm
- C. Ve bò
- D. Chân kiếm

Câu 5: Loài nào sau đây cơ thể được chia làm 3 phần: Đầu, ngực, bụng?

- A. Châu chấu
- B. Nhện
- C. Tôm
- D. Bọ cạp

Câu 6: Động vật nguyên sinh có cấu tạo từ

- A. 1 tế bào
- B. 3 tế bào
- C. 2 tế bào
- D. Đa bào

Câu 7: Tuyến sinh dục của giun đũa đực gồm

- A. 2 ống.
- B. 1 ống
- C. 3 ống
- D. 4 ống.

Câu 8: Vỏ trai có cấu tạo gồm mấy lớp?

- A. 1
- B. 3
- C. 2
- D. 4

Câu 9: Bệnh nhân đau bụng, đi ngoài, phân có lẫn máu và chất nhầy là biểu hiện của bệnh?

- A. Giun móc câu
- B. Sốt rét
- C. Kiết lị
- D. Sán dây

Câu 10: Những loài thuộc ngành Giun đốt gồm:

- A. Giun đất, đĩa, giun chỉ
- B. Giun đỏ, giun đất, giun móc câu
- C. Giun đỏ, đĩa, giun rễ lúa
- D. Giun đỏ, đĩa, rươi

Câu 11: Loài nào hô hấp bằng mang?

- A. Châu chấu
- B. Cào cào
- C. Mọt ẩm
- D. Bọ ngựa

Câu 12: Loài nào sau đây có cơ thể hình dù ?

- A. Thủy tức
- B. San hô
- C. Sứa
- D. hải quỳ

Câu 13: Phát biểu nào sau đây về Bạch tuộc là đúng?

- A. Có 8 tua dài, thích nghi với lối sống bơi lội tự do.
- B. Có 10 tua dài, thích nghi với lối sống di chuyển chậm chạp.
- C. Có khả năng nguy trang, tự vệ bằng cách vùi mình trong cát.
- D. Có tập tính đào lỗ để đẻ trứng.

Câu 14: Ốc sên tự vệ bằng cách nào?

- A. Tiết chất độc tiêu diệt kẻ thù.
- B. Tấn công đối phương bằng tua đầu và tua miệng.
- C. Co rút cơ thể vào trong vỏ.
- D. Thu nhỏ và khép chặt vỏ.

Câu 15: Khi gặp kẻ thù, con mực thường có hành động như thế nào?

- A. Vùi mình sâu vào trong cát.
- B. Phun mực, nhuộm đen môi trường nhằm che mắt kẻ thù để chạy trốn.
- C. Tiết chất độc tiêu diệt kẻ thù.
- D. Thu nhỏ và khép chặt vỏ.

Câu 16: Đặc điểm nào dưới đây giúp cho các tập tính của Thân mềm phát triển hơn hẳn Giun đốt?

- A. Thần kinh phát triển.
- B. Môi trường sống đa dạng.
- C. Di chuyển tích cực.
- D. Có vỏ bảo vệ.

Câu 17: Tôm có thể nhận biết thức ăn từ khoảng cách rất xa là nhờ

- A. 2 đôi mắt và các chân bụng
- B. Các chân hàm và chân ngực
- C. chân hàm, tấm lái
- D. các tế bào khứu giác trên 2 đôi râu rất phát triển

Câu 18: Cơ thể của nhện được chia thành

- A. 3 phần là phần đầu, phần ngực và phần bụng.
- B. 2 phần là phần đầu và phần bụng.
- C. 3 phần là phần đầu, phần bụng và phần đuôi.
- D. 2 phần là phần đầu – ngực và phần bụng.

Câu 19: Đặc điểm nào sau đây có ở châu chấu mà không có ở tôm?

- A. Phát triển trải qua lột xác
- B. Vỏ cơ thể cứng
- C. Có hệ thống ống khí.
- D. Cơ thể phân đốt.

Câu 20: Loài nào sau đây khi sinh sản mọc chồi, cơ thể con không tách rời ra mà dính với cơ thể mẹ tạo nên tập đoàn?

- A. Hải quỳ.
- B. San hô
- C. Sứa
- D. Thủy tức

Phần II/ 10 câu (mỗi câu 0,5 điểm)

Câu 21: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau.

Vỏ trai sông gồm ... (1) ... gắn với nhau nhờ ... (2) ... ở ... (3) ...

- A. (1): hai mảnh; (2): áo trai; (3): phía bụng
- B. (1): hai mảnh; (2): cơ khép vỏ; (3): phía lưng
- C. (1): hai mảnh; (2): bản lề; (3): phía lưng
- D. (1): ba mảnh; (2): bản lề; (3): phía bụng

Câu 22: Ve sầu thuộc lớp

- A. hình nhện B. sâu bọ
C. giáp xác D. không đáp án nào đúng

Câu 23: Đặc điểm nào có ở ngành ruột khoang?

- A. Cơ thể dẹp, đối xứng 2 bên
B. Cơ thể đối xứng tỏa tròn, có tế bào gai
C. Có lớp vỏ cuticun bọc ngoài cơ thể
D. Cơ thể phân đốt

Câu 24: Vì sao khi ta mài mặt ngoài vỏ trai lại ngửi thấy mùi khét?

- A. Vì lớp vỏ ngoài chứa nhiều chất khoáng.
B. Vì lớp ngoài vỏ trai được cấu tạo bằng tinh bột.
C. Vì phía ngoài vỏ trai là lớp sừng.
D. Vì lớp ngoài vỏ trai được cấu tạo bằng chất xơ.

Câu 25: Ở nhện, bộ phận nào dưới đây nằm ở phần bụng ?

- A. Các nóm tuyến tơ. B. Đôi kìm.
C. Các đôi chân bò. D. Đôi chân xúc giác.

Câu 26: Đặc điểm nào không có ở Sâu bọ?

- A. Cơ thể có 3 phần: Đầu , ngực, bụng.
B. Phần đầu có 1 đôi râu, phần ngực có 3 đôi chân và 2 đôi cánh.
C. Hô hấp bằng hệ thống ống khí
D. Hô hấp bằng mang

Câu 27 : Đặc điểm không phải của ngành Chân khớp là:

- A. Có bộ xương ngoài bằng kitin nâng đỡ, che chở.
B. Các chân phân đốt khớp động.
C. Qua lột xác mà tăng trưởng cơ thể.
D. Thân mềm, không phân đốt

Câu 28: Đặc điểm nào không có ở giun đũa?

- A. Cơ quan sinh dục lưỡng tính
B. Có khoang cơ thể chưa chính thức
C. Ống tiêu hóa có thêm ruột sau và hậu môn
D. Phân tính và tuyến sinh dục có dạng ống phát triển

Câu 29: Bệnh kiết lị truyền qua:

- A. Vết thương hở B. Đường hô hấp
C. Muối Anôphen D. Thức ăn, nước uống vào ruột người

Câu 30: Cơ thể tôm có mấy phần?

- A. Có 2 phần: phần đầu – ngực và phần bụng
B. Có 3 phần: phần đầu, phần ngực và phần bụng
C. Có 2 phần là thân và các chi
D. Có 3 phần là phần đầu, phần bụng và các chi